

Bản án số: 69A/2020/HS-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất

Ông Đào Mạnh Tiến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà A, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10.

Con ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1936 (đã chết).

Con bà Đỗ Thị M, sinh năm 1933 đã già yếu.

Gia đình có 07 anh chị, em, bản thân bị cáo là thứ năm.

Chồng: Lương Văn H, sinh năm 1965.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/01/2020 thì bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1977.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1950.

Con bà Vũ Thị T, sinh năm 1948.

Gia đình có 04 anh, chị, em, bản thân là thứ hai.

Vợ: Vũ Thị D, sinh năm 1980.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/01/2020 thì bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lương Văn H, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1957. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

** Người chứng kiến:* Ông Đỗ Đình Đ, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, trú tại số nhà A, đường N, phường T, thành phố B ký hợp đồng làm đại lý bán vé xổ số cho Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Bắc Giang từ ngày 15/8/2019, địa điểm bán xổ số tại vỉa hè đường N, phường T, thành phố B. Đến cuối tháng 12 năm 2019, ngoài việc bán xổ số thì L còn bán số lô, số đề cho khách để có thêm thu nhập. Khoảng 16 giờ ngày 26/12/2019, L đang bán xổ số thì có Nguyễn Đình C, sinh năm 1977 trú tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương (là người làm nghề bán hàng tự do) đến mua số đề. L đồng ý bán cho C ở giải lô điểm số 66- 100 điểm (mỗi điểm lô tương ứng với 23.000 đồng). L viết số lô đã bán vào tờ cáp con (là mặt sau của tờ giấy cắt từ tờ kết quả xổ số) nội dung “26/12 Lô 66-100n” rồi sử dụng điện thoại Iphone 5S chụp lại để theo dõi. Sau đó L đưa cho C tờ cáp con và số tiền 5.000.000 đồng là tiền C trúng đề 8.000.000 đồng của ngày 25/12/2019 sau khi đã trừ đi số tiền C vay trước đó (700.000 đồng) và tiền mua số đề ngày 26/12/2019 (2.300.000 đồng). Khi L vừa bán số lô cho C xong thì bị Tổ công tác Công an phường T, thành phố B bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Đình C: 01 tờ kết quả xổ số mặt sau có ghi các dãy số tự nhiên và chữ đề ngày 26/12 (ký hiệu giám định A1); 01 phần tờ kết quả xổ số

mặt sau có các dãy số tự nhiên và chữ đề ngày 24/12 (ký hiệu giám định A2); 01 phần tờ kết quả xổ số mặt sau có ghi các dãy số tự nhiên và chữ đề ngày 25/12 (ký hiệu giám định A3); số tiền 5.300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu mobiistar-B201; 01 xe mô tô nhãn hiệu Pomuspacyan biển kiểm soát 34F8-7163;

- Thu giữ của Nguyễn Thị L: 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng imei 990002785474717; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong có gắn sim số thuê bao 0866494821; 01 xe máy điện màu đỏ Luxury và số tiền 10.300.000 đồng.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại Nokia thu của Nguyễn Thị L kết quả không có nội dung gì liên quan đến mua bán số lô, số đề; kiểm tra điện thoại Iphone 5S màu trắng thu của Nguyễn Thị L, kết quả tại thư mục ảnh có 01 hình ảnh chụp lúc 16 giờ 23 phút ngày 26/12/2019 với nội dung: “26/12 Lô 66-100n”, thư mục tin nhắn không có nội dung gì liên quan đến mua bán số lô, số đề.

Ngày 27/12/2019, Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định đối với các tờ cấp đề đã thu giữ. Tại kết luận giám định số 2110/KL- KTHS ngày 31/12/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ viết có nội dung “26/12- Lô 66-100n” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); “24/12- ĐB-33-400 Lô 33-100” trên tài liệu giám định (ký hiệu A2); “25/12- Xiên-00-30-35-55/200n-30-35-55/200-30-55/100n- Lô 30-50n” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ viết của Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người viết ra.”

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị L khai nhận tự mình đứng ra bán số lô, số đề cho C với các hình thức như sau:

- Dạng chơi đề “Đặc biệt”, “Nhất to” hoặc “2 cửa”; ký hiệu ghi đề Đặc biệt là “ĐB”. Người chơi đặt cược hai số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất hoặc đặt cược cả 2 số cuối của giải đặc biệt và giải nhất của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, nếu trúng người chơi đề sẽ được trả thưởng gấp 70 lần tiền cược, nếu không trúng thì mất số tiền đặt cược.

- Dạng chơi “Lô” điểm, ký hiệu là: “Lô”. Người chơi đặt cược 2 số cuối của tất cả các giải kết quả xổ số, nếu trúng cược sẽ được trả 80.000 đồng/1 điểm (mỗi điểm người chơi phải đặt cược 23.000 đồng). Nếu người chơi thua thì bị mất số tiền đặt cược.

- Dạng chơi “lô xiên”, ký hiệu là: “Xiên”: Người chơi đặt cược từng cặp số gồm cặp 2 số, cặp 3 số, cặp 4 số (mỗi số gồm có 2 chữ số) để cược với hai số cuối cùng của tất cả các giải xổ số. Nếu trúng người chơi sẽ được trả thưởng theo tỷ lệ: Cặp 2 số (xiên 2) hưởng gấp 10 lần số tiền đặt cược, cặp 3 số (xiên 3) hưởng gấp 45 lần số tiền đặt cược, cặp 4 số (xiên 4) hưởng gấp 120 lần số tiền đặt cược. Nếu người chơi thua thì bị mất số tiền đặt cược.

Về ký hiệu ghi trên các tờ cược đề được hiểu như sau: Các số lô đề được ghi theo hàng dọc từ trên xuống dưới; trong đó ghi số “24/12”, “25/12”, “26/12” là các ngày ghi lô đề; cột “ĐB” là ghi số đề dạng Đặc biệt, cột ghi “Xiên” là dạng lô xiên; cột ghi “Lô” là dạng lô điểm. Trên các tờ cược được tính từ trái qua phải, bên trái ghi số lô đề còn bên phải ghi số tiền người chơi đặt cược với đơn vị tính là 1.000 đồng hoặc là số điểm lô (tờ cược 24/12 ghi điểm lô, đề; tờ cược ngày 25/12 và 26/12 ghi số tiền cược cho 1 số).

Tùy từng dạng đánh lô, đề mà L thu tiền của C như sau: Ở dạng đề, L thu của C 80% số tiền ghi trên các; ở dạng lô xiên, L thu của C 100% số tiền trên các; ở dạng lô điểm, L thu của C 23.000 đồng/1 điểm.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị L khai nhận các tờ cược đề con mà Cơ quan điều tra thu giữ của C khi bắt quả tang chính là các tờ cược L ghi lại các số lô, số đề đã bán cho C trong các ngày 24/12/2019, 25/12/2019 và 26/12/2019. Số tiền L và C đánh bạc trong từng ngày cụ thể như sau:

* Ngày 24/12/2019: Số tiền mua bán số lô, số đề là 2.700.000 đồng, bao gồm: Giải đặc biệt số 33 là 400.000 đồng. Giải lô điểm số 33 là 100 điểm x (23.000 đồng/1 điểm) = 2.300.000 đồng. Số tiền C trúng thưởng (lô điểm số 33) là 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo L và C đánh bạc trong ngày 24/12/2019 là 10.700.000 đồng (trong đó số tiền đánh bạc là 2.700.000 đồng và tiền trúng thưởng là 8.000.000 đồng).

* Ngày 25/12/2019: Số tiền mua bán số lô, số đề là 1.650.000 đồng, bao gồm: Giải lô xiên 4 các số 00-30-35-55 là 200.000 đồng, lô xiên 3 các số 30-35-55 là 200.000 đồng, lô xiên 2 các số 30-55 là 100.000 đồng. Giải lô điểm số 30 là 50 điểm x (23.000 đồng/1 điểm) = 1.150.000 đồng. Số tiền C trúng thưởng (lô điểm số 30 xuất hiện 2 lần) là 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo L và C đánh bạc trong ngày 25/12/2019 là 9.650.000 đồng (trong đó số tiền đánh bạc là 1.650.000 đồng và tiền trúng thưởng là 8.000.000 đồng).

* Ngày 26/12/2019: Do các bị cáo L và C bị bắt khi chưa có kết quả xổ số nên số tiền đánh bạc ngày 26/12/2019 là 2.300.000 đồng.

Tổng số tiền C thu lợi bất chính trong hai ngày 24/12/2019 và 25/12/2019 là 11.730.000 đồng.

Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc trong ngày 24/12/2019 và 25/12/2019. Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C trong ngày 26/12/2019 chưa đủ cấu thành tội phạm, ngày 16/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã có công văn yêu cầu Công an thành phố B xử lý vi phạm hành chính.

Đối với 01 xe mô tô có biển kiểm soát 34F8-7163 qua điều tra xác định là do bị cáo C mượn bố vợ là ông Vũ Văn L, sinh năm 1957 ở thôn Lương Xá, xã Yết Kiêu, huyện Giang Lộc, tỉnh Hải Dương. Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho ông Lộc.

Đối với 01 xe máy điện nhãn hiệu Luxury màu đỏ, số máy TY60V800W161113213, số khung RRWY8FKTAGSA00850 qua điều tra xác định được là tài sản của Nguyễn Thị L và chồng là ông Lương Văn H.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 17 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để được tự cải tạo, giáo dục tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn H có mặt tại phiên tòa trình bày: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Luxury màu đỏ, số máy TY60V800W161113213, số khung RRWY8FKTAGSA00850 là tài sản của vợ chồng ông nhưng nguồn tiền bỏ ra để mua chiếc xe là của ông vì thu nhập của bị cáo L rất thấp, không đủ trang trải cuộc sống hàng ngày, bị cáo L cũng không sử dụng chiếc xe trên vào việc đánh bạc vì vậy ông mong Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông chiếc xe máy điện trên để làm phương tiện đi lại. Đối với số tiền 10.300.000 đồng bị thu giữ ngày 26/12/2019, trong đó có 2.300.000 đồng là tiền bị

cáo L bán số lô số đề cho bị cáo C ông không có ý kiến gì còn lại số tiền 8.000.000 đồng là tiền của gia đình ông do bị cáo L giữ để chi tiêu trong sinh hoạt của gia đình ông không liên quan đến việc bị cáo phạm tội nên ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo. Gia đình ông có hoàn cảnh khó khăn, ông làm công nhân thu nhập thấp, có 01 con gái bị bệnh tâm thần từ nhỏ hiện hàng tháng vẫn được hưởng trợ cấp xã hội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn L và người chứng kiến là ông Đỗ Đình Đạo vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố những lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo, ông H không có ý kiến gì về những lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C phạm tội “*Đánh bạc*”.

*Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 16 đến 18 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/01/2020.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 14 đến 16 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo C từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng và số tiền 2.300.000 đồng là tiền thu lời bất chính;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền 6.730.000 đồng tiền thu lời bất chính.

- Trả lại ông Lương Văn H 01 xe máy điện nhãn hiệu Luxury màu đỏ;

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và số tiền 8.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đình C số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu mobiistar-B201 cũ đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, ông H không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Xét về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người chứng kiến, Biên bản bắt người phạm tội quả tang đã có đủ cơ sở kết luận: Trong hai ngày 24/12/2019 và 25/12/2019, tại vỉa hè đường N, phường T, thành phố B, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua, bán số lô, số đề với số tiền đánh bạc ngày 24/12/2019 là 10.700.000 đồng và ngày 25/12/2019 là 9.650.000 đồng. Ngày 26/12/2019, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C tiếp tục mua bán số đề với số tiền đánh bạc là 2.300.000 đồng thì bị Tổ công tác Công an phường T, thành phố B bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính đồng phạm của các bị cáo thì thấy: Trước khi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể từ trước nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý phạm tội nên cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[5] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo L là người bán số lô, số đề, chịu trách nhiệm trả thưởng nên có vai trò cao hơn bị cáo C là người mua số lô, số đề. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

[6] Xét về nhân thân các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo C có bố đẻ là ông Nguyễn Đình Tẩu được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng C và bản thân bị cáo cũng từng tham gia phục vụ trong quân ngũ nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C.

[8] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong hai ngày 24/12/2019 và 25/12/2019 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn để đảm bảo giáo dục các bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều đánh bạc nhằm mục đích kiếm tiền. Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có 01 gái bị mắc bệnh tâm thần từ nhỏ hàng tháng vẫn được hưởng trợ cấp xã hội, tại phiên tòa bị cáo xuất trình được bản gốc sổ nhận trợ cấp xã hội hàng tháng của con gái bị cáo. Do vậy, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo L, Hội đồng xét xử thấy cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L. Đối với bị cáo C, là Đảng viên (hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng) có nhận thức và hiểu biết pháp luật, nhưng lại đánh bạc nhằm mục đích kiếm tiền. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Đối với số tiền 10.300.000 đồng Cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị L vào ngày 26/12/2019. Quá trình điều tra xác định trong số tiền này có 2.300.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Còn lại số tiền 8.000.000 đồng là tiền của cá nhân bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Đối với số tiền 5.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình C vào ngày 26/12/2016. Quá trình điều tra xác định trong số tiền này có 5.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính (do bị cáo C trúng thưởng từ việc đánh bạc) cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Còn lại số tiền 300.000 đồng là tiền của cá nhân bị cáo C không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tổng số tiền bị cáo C thu lời bất chính trong hai ngày 24/12/2019 và ngày 25/12/2019 là 11.730.000 đồng, bị cáo C được đối trừ đi 5.000.000 đồng đã tạm giữ ngày 26/12/2019 nên buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 6.730.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng số imei 990002785474717 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong có gắn sim số thuê bao 0866494821 thu giữ của bị cáo L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu mobiistar-B20 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình C không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy, cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[14] Đối với 01 xe máy điện nhãn hiệu Luxury màu đỏ, số máy TY60V800W161113213, số khung RRWY8FKTAGSA00850 là tài sản của bị cáo và chồng là ông Lương Văn H, tại phiên tòa ông H và bị cáo đều xác định nguồn tiền để mua chiếc xe trên là do ông H bỏ ra mua, bị cáo không dùng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần trả lại chiếc xe trên cho ông H là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Đối với 01 xe mô tô có biển kiểm soát 34F8-7163 qua điều tra xác định là do C mượn bố vợ là ông Vũ Văn L, sinh năm 1957 ở thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho ông Lộc là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Về án phí: Các bị cáo L, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/01/2020.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 01/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo C 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng imei 990002785474717 và số tiền 2.300.000 đồng là tiền thu lời bất chính;

3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đình C số tiền 5.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính. Buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền 6.730.000 đồng là tiền thu lời bất chính.

3.3. Trả lại bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong có gắn sim số thuê bao 0866494821, cũ đã qua sử dụng và số tiền 8.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.4. Trả lại bị cáo Nguyễn Đình C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar-B201, cũ đã qua sử dụng và số tiền 300.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.5. Trả lại ông Lương Văn H 01 xe máy điện nhãn hiệu Luxury màu đỏ, số máy TY60V800W161113213, số khung RRWY8FKTAGSA00850.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng